

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 04 năm 2020

Ngày 31 tháng 12 năm 2020



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty"), trước đây là Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Phúc, là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ lần đầu số 15/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2006 giấy phép điều chỉnh số 21/GPĐC-UBCK ngày 1 tháng 9 năm 2015 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 74/GPĐC-UBCK ngày 19/11/2020 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("TVS") được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 36/UBCK-GPHDKD ngày 25 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, đã mua 99,2% cổ phần của Công ty và trở thành công ty mẹ vào ngày 13 tháng 2 năm 2015, ngày 19/11/2020 TVS mua thêm 10.000.000 CP tương đương 99,84%.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư.

Công ty có trụ sở chính tại lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ và tới ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất Quý 04/2020 này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thanh Thảo	Chủ tịch	Từ ngày 20 tháng 5 năm 2015
Bà Bùi Thị Kim Oanh	Thành viên	Đến ngày 07 tháng 04 năm 2020
Bà Đinh Thị Hoa	Thành viên	Đến ngày 22 tháng 02 năm 2017
Ông Lê Quang Tiến	Thành viên	Từ ngày 22 tháng 02 năm 2017
Ông Jonathan Charles Eames	Thành viên	Từ ngày 07 tháng 08 năm 2019
Ông Trần Vinh Quang	Thành viên	Từ ngày 07 tháng 04 năm 2020

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và tới ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất Quý 04/2020 này là ông Trần Vinh Quang.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tới ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất Quý 04/2020 này là bà Nguyễn Thanh Thảo - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất Quý 04/2020 của Công ty cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban điều hành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất Quý 04/2020 cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất Quý 04/2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 04/2020, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất Quý 04/2020 và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất Quý 04/2020. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất Quý 04/2020 này, Ban Điều hành Công ty cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THÔNG TIN CHUNG

- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất Quý 04/2020; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất Quý 04/2020 trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất Quý 04/2020 của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đang áp dụng. Ban Điều hành Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất Quý 04/2020 cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính hợp nhất Quý 04/2020 kèm theo phần ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất Quý 04/2020 của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 04/2020, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất Quý 04/2020 và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất Quý 04/2020 cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày 31/12/2020 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất Quý 04/2020.

Thay mặt Ban Điều hành:




Bà Nguyễn Thanh Thảo
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 19 tháng 01 năm 2021

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Quý 04/2020 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B01a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		445.954.689.274	36.903.111.542
110	<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	4	4.928.646.917	9.323.948.810
111	1. Tiền		2.776.825.548	823.948.810
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.151.821.369	8.500.000.000
120	<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	5	416.151.330.855	27.270.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		147.151.330.855	27.270.000.000
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		269.000.000.000	-
130	<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	6	14.802.239.298	278.420.478
132	1. Trả trước cho người bán		-	11.990.000
134	2. Phải thu hoạt động nghiệp vụ		9.587.841.629	262.871.574
135	3. Các khoản phải thu khác		5.214.397.669	3.558.904
150	<i>IV. Tài sản ngắn hạn khác</i>	7	10.072.472.204	30.742.254
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		38.055.531	30.742.254
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		34.416.673	-
158	3. Tài sản ngắn hạn khác		10.000.000.000	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		573.041.142	372.107.338
260	<i>I. Tài sản dài hạn khác</i>		573.041.142	372.107.338
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	476.085.447	349.025.799
268	2. Tài sản dài hạn khác	9	96.955.695	23.081.539
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		446.527.730.416	37.275.218.880
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		291.125.069.892	3.018.791.624
310	<i>I. Nợ ngắn hạn</i>		291.125.069.892	3.018.791.624
312	1. Phải trả người bán	11	30.847.467	-
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	2.355.358.515	1.372.408.963
315	3. Phải trả người lao động		-	1.431.945.622
316	4. Chi phí phải trả	13	126.400.000	70.000.000
319	5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	11	9.027.376.831	-
320	6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	11	279.210.000.000	-
323	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		375.087.079	144.437.039
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		155.402.660.524	34.256.427.256
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	14	125.000.000.000	25.000.000.000
418	2. Quỹ dự phòng tài chính		1.894.270.471	1.502.584.086
419	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.894.270.471	1.502.584.086
420	4. Lợi nhuận chưa phân phối		11.026.755.297	6.251.259.084
423	5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		15.587.364.285	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		446.527.730.416	37.275.218.880

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 04/2020 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TẠI NGÀY 31/12/2020.

Mã số	CHỈ TIÊU		Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
006	1. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ		40.000.000.000	27.000.000.000
007	- Chứng khoán giao dịch		40.000.000.000	27.000.000.000
030	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác		98.800.316.514	10.159.902.758
031	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	22	98.800.316.514	10.159.902.758
040	Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác		811.618.676.665	352.390.591.188
041	Nhà đầu tư ủy thác trong nước	23	811.618.676.665	352.390.591.188
050	Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	24	18.404.793.690	601.620.000
051	Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	25	7.782.635.792	1.197.461.272

Bà Phạm Uyên Vy
Người lập

Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng



Bà Nguyễn Thanh Thảo
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 19 tháng 01 năm 2021

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý 04/2020 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 04/2020 VND	Quý 04/2019 VND	Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 31/12/2019 VND
01	1. Doanh thu		11.309.610.021	1.565.316.484	16.210.431.705	6.763.760.283
10	2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	14	11.309.610.021	1.565.316.484	16.210.431.705	6.763.760.283
11	3. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	15	(1.766.601.091)	(1.407.881.166)	(5.372.579.452)	(4.572.402.553)
20	4. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		9.543.008.930	157.435.318	10.837.852.253	2.191.357.730
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	16	7.320.454.168	100.295.340	7.916.574.389	5.119.710.913
22	6. Chi phí hoạt động tài chính	17	(4.017.584.900)	-	(4.496.530.907)	-
25	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	(1.356.198.701)	(587.404.137)	(2.648.676.575)	(1.505.453.630)
30	8. Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		11.489.679.497	(329.673.479)	11.609.219.160	5.805.615.013
31	9. Thu nhập khác		-	-	-	-
32	10. Chi phí khác		(973)	-	(973)	(1.864.025)
40	11. Lợi nhuận khác		(973)	-	(973)	(1.864.025)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		11.489.678.524	(329.673.479)	11.609.218.187	5.803.750.988
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	19.2	(1.734.195.703)	-	(1.762.334.878)	(1.318.494.902)
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		9.755.482.821	(329.673.479)	9.846.883.309	4.485.256.086
61	15. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		(307.364.285)	-	(307.364.285)	-

Phạm Uyên Vy

Bà Phạm Uyên Vy
Người lập

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 19 tháng 01 năm 2021

Bà Nguyễn Thị Anh Tú

Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng



Bà Nguyễn Thanh Thảo

Bà Nguyễn Thanh Thảo
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 Quý 04/2020 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		11.609.218.187	5.803.750.988
	<i>Điều chỉnh:</i>			
03	1. Các khoản dự phòng		-	-
05	2. (Lỗ)/lãi từ hoạt động đầu tư		(7.916.574.389)	(5.119.710.913)
06	3. Chi trả lãi vay		3.871.236.218	
	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi của vốn lưu động		7.563.880.016	684.040.075
09	1. Giảm các khoản phải thu		(4.457.214.094)	(277.339.380)
11	2. Giảm/(tăng) các khoản phải trả		7.346.138.745	(4.371.382.890)
12	3. Giảm chi phí trả trước		(146.348.881)	332.654.150
13	4. Tiền lãi vay phải trả		(3.636.240.121)	-
14	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(677.841.492)	(470.778.064)
16	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		5.992.374.173	(4.102.806.109)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi mua sắm xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.284.252.662.016)	-
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		899.574.181.161	-
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(99.002.850.000)	-
27	5. Lãi tiền gửi thu được		(2.246.345.210)	5.119.449.816
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(485.927.676.065)	5.119.449.816

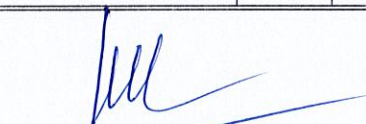
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Quý 04/2020 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		200.080.000.000	
33	2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		593.765.000.000	
34	3. Tiền chi trả nợ gốc vay		(314.555.000.000)	
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.750.000.000)	
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		475.540.000.000	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(4.395.301.892)	1.016.643.707
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	4	9.323.948.810	8.307.305.103
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	4.928.646.918	9.323.948.810




Bà Phạm Uyên Vy
Người lập



Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng




Bà Nguyễn Thanh Thảo
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 19 tháng 01 năm 2021

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT
Quý 04/2020 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B05a-CTQ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu kỳ		Số tăng/(giảm) trong kỳ				Số cuối kỳ	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2019 VND		Ngày 1 tháng 1 năm 2020 VND		Đến 31/12/2020		Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	
		Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	13	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-	100.000.000.000	-	25.000.000.000	125.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính		1.271.934.046	1.502.584.086	230.650.040		391.686.385		1.502.584.086	1.894.270.471
3. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.271.934.046	1.502.584.086	230.650.040		391.686.385		1.502.584.086	1.894.270.471
4. Lợi nhuận chưa phân phối		2.214.735.062	6.251.259.084	4.151.700.710	(115.176.688)	8.756.146.253	(3.980.650.040)	6.251.259.084	11.026.755.297
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		-	-	-	-	15.587.364.285	-	-	15.587.364.285
TỔNG CỘNG		29.758.603.154	34.256.427.256	4.613.000.790	(115.176.688)	125.126.883.308	(3.980.650.040)	34.256.427.256	155.402.660.524

Sauuuuu

Bà Phạm Uyên Vy
Người lập

lll

Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng



Bà Nguyễn Thanh Thảo
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 19 tháng 01 năm 2021

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý 04/2020 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B09a-CTQ

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty"), trước đây là Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng Khoán An Phúc, là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ lần đầu số 15/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2006 giấy phép điều chỉnh số 21/GPĐC-UBCK ngày 1 tháng 9 năm 2015 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 74/GPĐC-UBCK cấp ngày 19/11/2020 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("TVS") được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 36/UBCK-GPHDKD ngày 25 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, đã mua 99.2% cổ phần của Công ty và trở thành công ty mẹ vào ngày 13 tháng 2 năm 2015, ngày 19/11/2020 TVS mua thêm 10.000.000 CP tương đương 99.84%.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư.

Công ty có trụ sở chính tại lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty con.

Công ty có một công ty con là Công ty Cổ Phần Finsight, là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh số 0316449345 cấp ngày 20 tháng 08 năm 2020 do Sở kế hoạch đầu tư TP.HCM cấp. Công ty con có trụ sở tại Lầu 7, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, Phường 06, Quận 03, TP.HCM, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 13 người (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 9 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 04/2020 của Công ty được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất Quý 04/2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 04/2020, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất Quý 04/2020, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất Quý 04/2020 và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất Quý 04/2020 được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa các báo cáo này không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất Quý 04/2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 04/2020 và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất Quý 04/2020 theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý 04/2020 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B09a-CTQ

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Kỳ kế toán năm*

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Công ty cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 theo quy định của Thông tư số 212/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 12 năm 2012.

2.3 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

2.4 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con cho kỳ kế toán kết thúc quý 04/2020 ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên báo cáo tình hình tài chính giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cuối niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản đầu tư vào những chứng khoán nhằm mục đích kinh doanh ("chứng khoán thương mại").

Chứng khoán thương mại là những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời. Chứng khoán thương mại được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Lãi dự thu nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ. Chứng khoán thương mại được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên khoản mục "*Chi phí tài chính*".

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thực tế trên thị trường tại ngày có giao dịch gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư 146/2014/TT-BTC. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào "*Chi phí tài chính*" trong kỳ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất Quý 04/2020 theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong kỳ. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 ("Thông tư 48") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 48. Chi tiết tỷ lệ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất Quý 04/2020 và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.6 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.7 Lợi ích của nhân viên

3.7.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17.5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

3.7.2 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Phí quản lý

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.9 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 04/2020 ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất Quý 04/2020.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 04/2020 ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong
- ▶ từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên toàn Công ty.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất Quý 04/2020, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 04/2020, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu từ hoạt động quản lý quỹ và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất Quý 04/2020, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 04/2020, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất Quý 04/2020 nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.12 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ này theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý 04/2020 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B09a-CTQ

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi tại các ngân hàng.

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Tiền mặt bằng VND	69.264.983	63.195.094
Tiền gửi không kì hạn bằng VND	2.707.560.565	760.753.716
Các khoản tương đương tiền	2.151.821.369	8.500.000.000
	4.928.646.917	9.323.948.810

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Quỹ đầu tư tăng trưởng TVAM (Thuyết minh số 19)	24.240.000.000	24.240.000.000
Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 2 (Thuyết minh số 19)	16.160.000.000	3.030.000.000
Chứng khoán kinh doanh	105.678.480.855	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	269.000.000.000	-
Công ty CP Xếp hạng tín nhiệm Thiên Minh	1.072.850.000	-
	416.151.330.855	27.270.000.000

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Phí quản lý danh mục đầu tư	9.071.129.640	-
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt (Thuyết minh số 19)	9.071.129.640	-
Phải thu phí quản lý quỹ	251.529.466	262.871.574
- Quỹ đầu tư tăng trưởng TVAM (Thuyết minh 19)	-	135.785.042
- Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 2 (Thuyết minh 19)	-	127.086.532
- Công ty Cổ Phần Finhay Việt Nam (Thuyết minh 19)	516.711.989	-
Trả trước người bán	-	11.990.000
- Công ty TNHH Gene Friend Việt Nam	-	6.930.000
- Công ty Cổ phần Dịch Vụ Chu Du Hai Bốn	-	5.060.000
Tạm ứng công việc	3.000.000	-
Lãi dự thu tiền gửi có kì hạn	2.178.794.931	-
Lãi dự thu trái phiếu	3.032.602.738	558.904
	14.802.239.298	278.420.478

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý 04/2020 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B09a-CTQ

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Phí thuê bao dữ liệu phần mềm	19.800.000	19.800.000
Phần mềm kế toán	8.924.999	-
Thuế GTGT được khấu trừ	34.416.673	
Đặt cọc mua bán CCTG	10.000.000.000	
Khác	9.330.532	10.942.254
	10.072.472.204	30.742.254

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Chi phí sửa chữa văn phòng	279.781.561	304.732.953
Công cụ, dụng cụ	128.236.209	10.350.001
Chứng thư số quốc tế	43.778.865	
Khác	24.288.812	33.942.845
	476.085.447	349.025.799

9. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Đặt cọc taxi	15.000.000	15.000.000
Đặt cọc thuê VP	61.898.200	-
Đặt cọc phí lưu ký	20.057.495	8.081.539
	96.955.695	23.081.539

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý 04/2020 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B09a-CTQ

10. NỢ NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Phải trả người bán ngắn hạn	6.273.627	
Lãi dự thu phải trả	234.996.097	
Vốn hợp tác đầu tư	8.732.380.734	
Phí ủy thác phải trả	60.000.000	
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	279.210.000.000	-
	288.243.650.458	-

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Thuế GTGT phải nộp	3.264.000	
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 19.2)	1.762.334.879	677.841.492
Thuế thu nhập cá nhân	589.759.636	694.567.471
	2.355.358.515	1.372.408.963

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Chi phí phải trả là chi phí dịch vụ chuyên môn.	126,400,000	70,000,000

13. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Theo Quyết định số 79/QĐ-UBCK VND	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn đã góp VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	124.800.000.000	99.84	124.800.000.000
Trần Vinh Quang	100.000.000	0.08	100.000.000
Lê Quang Tiến	100.000.000	0.08	100.000.000
	125.000.000.000	100.00	125.000.000.000

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Quý 04/2020 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B09a-CTQ

14. DOANH THU THUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	<i>Giai đoạn từ 01/10/2020 đến 31/12/2020 VND</i>	<i>Giai đoạn từ 01/10/2019 đến 31/12/2019 VND</i>
Phí quản lý danh mục đầu tư	9.939.069.084	755.226.483
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	9.939.069.084	755.226.483
- Khác		
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM	439.691.872	418.396.420
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2	411.564.178	391.693.581
Công ty CP Finhay Việt Nam	444.284.887	
Công ty Cổ Phần Finsight	60.000.000	
Nguyễn Thị Liệu	15.000.000	
	11.309.610.021	1.565.316.484

15. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	<i>Giai đoạn từ 01/10/2020 đến 31/12/2020 VND</i>	<i>Giai đoạn từ 01/10/2019 đến 31/12/2019 VND</i>
Chi phí nhân viên	1.164.469.420	939.660.238
Chi phí đồ dùng văn phòng	165.669.344	154.628.185
Chi phí thuê văn phòng	132.542.966	132.543.075
Thuế, phí và lệ phí	23.044.900	2.208.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	166.650.636	40.862.997
Chi phí bằng tiền khác	114.223.825	137.978.671
	1.766.601.091	1.407.881.166

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Giai đoạn từ 01/10/2020 đến 31/12/2020 VND</i>	<i>Giai đoạn từ 01/10/2019 đến 31/12/2019 VND</i>
Thu nhập lãi (lãi tiền gửi)	2.234.177.557	100.295.340
Lãi từ bán chứng khoán kinh doanh	2.230.646.474	-
Lãi trái phiếu	2.805.630.137	-
Thu nhập tài chính khác	50.000.000	-
	7.320.454.168	100.295.340

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý 04/2020 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B09a-CTQ

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Giai đoạn từ 01/10/2020 đến 31/12/2020 VND</i>	<i>Giai đoạn từ 01/10/2019 đến 31/12/2019 VND</i>
Phí ngân hàng	59.594.117	-
Lãi vay cá nhân	689.140.331	-
Lãi vay ngân hàng	2.935.178.079	-
Phí giao dịch mua bán CK	139.172.373	-
Lỗ bán CP	362.500.000	-
	4.185.584.900	-

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Giai đoạn từ 01/10/2020 đến 31/12/2020 VND</i>	<i>Giai đoạn từ 01/10/2019 đến 31/12/2019 VND</i>
Chi phí nhân viên quản lý	733.916.353	331.121.022
Chi phí đồ dùng văn phòng	55.855.853	1.725.000
Thuế, phí và lệ phí	2.841.575	1.623.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	232.767.194	7.227.026
Chi phí khác	330.817.726	245.707.489
	1.356.198.701	587.404.137

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty tạm tính thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 20% lợi nhuận tính thuế trong kỳ theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất Quý 04/2020 có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

19.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 04/2020 vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán Quý 04/2020.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Quý 04/2020 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B09a-CTQ

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

19.2 Chi phí Thuế TNDN hiện hành

	Giai đoạn từ 01/10/2020 đến 31/12/2020 VND	Giai đoạn từ 01/10/2019 đến 31/12/2019 VND
Lợi nhuận thuần trước thuế	11.489.678.524	(329,673,479)
Điều chỉnh:		
Thù lao HĐQT	150.000.000	
Lợi nhuận tính thuế ước tính	11.639.678.524	(329,673,479)
Chuyển lỗ	-	-
Thuế TNDN tạm tính (20%)-20%*30%	1.629.554.993	-
Các khoản điều chỉnh tăng		
- Chi phí không được trừ	104.640.710	-
Chi phí thuế TNDN ước tính	<u>1.734.195.703</u>	<u>-</u>

20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lãi thuần phân bổ cho các cổ đông của Công ty chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ. Thông tin sau được sử dụng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty:

	Giai đoạn từ 01/10/2020 đến 31/12/2020 VND	Giai đoạn từ 01/10/2019 đến 31/12/2019 VND
Lãi thuần phân bổ cho các cổ đông của Công ty (đồng)	9.448.118.536	329.993.646
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	12.500.000	2.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	756	(132)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Quý 04/2020 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B09a-CTQ

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Ngày 31 tháng</u>	<u>Ngày 31 tháng</u>
			<u>12 năm 2020</u>	<u>12 năm 2019</u>
			<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	Công ty mẹ	Thu phí quản lý danh mục đầu tư	12.595.445.949	3.361.736.352
		Tăng tiền gửi ủy thác	836.678.167.484	477.671.694.949
		Giảm tiền gửi ủy thác	(748.773.424.341)	(570.891.024.415)
		Chi cổ tức trong năm	-	4.800.000.000
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM	Bên liên quan	Phí lưu ký	(28.181.700)	(9.408.000)
		Thu phí quản lý danh mục đầu tư	1.522.005.314	1.800.689.749
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2		Thu phí phát hành chứng chỉ quỹ	-	-
		Thu phí quản lý danh mục đầu tư	1.420.144.007	1.601.334.182

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Ngày 31 tháng</u>	<u>Ngày 31 tháng</u>
			<u>12 năm 2020</u>	<u>12 năm 2019</u>
			<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	Công ty mẹ	Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	9.056.129.640	-
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng TVAM	Bên liên quan	Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	-	135.785.042
		Đầu tư ngắn hạn	24.240.000.000	24.240.000.000
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 2		Đầu tư ngắn hạn	16.160.000.000	3.030.000.000
		Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	-	127.086.532
Công ty CP Xếp hạng Tín nhiệm Thiên Minh Lương của Ban Giám Đốc		Đầu tư ngắn hạn	1.072.850.000	-
			907.480.000	1.751.074.727

22. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

	<u>Ngày 31 tháng</u>	<u>Ngày 31 tháng</u>
	<u>12 năm 2020</u>	<u>12 năm 2019</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số dư đầu kỳ	10.159.902.758	103.379.232.224
Tăng trong kỳ	2.646.146.690.997	477.671.694.949
Giảm trong kỳ	(2.557.506.277.241)	(570.891.024.415)
Số cuối kỳ	98.800.316.514	10.159.902.758

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

B09a-CTQ

Quý 04/2020 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

23. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Cổ phiếu niêm yết và đăng ký giao dịch	355.522.753.045	352.390.591.188
<i>Trong đó, các cổ phiếu bị suy giảm giá trị:</i>		
SSI		36.628.010.600
LPB		27.051.340.000
TCB		21.533.055.500
NLG		15.748.430.500
TCM		12.589.210.000
CEO		8.634.395.259
MSN		400.000
CTD	339.000	339.000
KSB	-	100.250
FCN		94.150
VSC		55.900
DXG		34.700
NVL	14.005.000.000	-
VJC	-	-
DMC	428.400	-
Chứng chỉ quỹ (CCQ) chưa niêm yết	159.589.135.873	-
<i>Trong đó, các CCQ bị suy giảm giá trị:</i>		
Trái phiếu chưa niêm yết	292.906.787.747	-
Chứng chỉ tiền gửi	3.600.000.000	-
	811.618.676.665	352.390.591.188

24. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Phải thu cổ tức	884.372.000	389.600.000
Phải thu lãi tiền gửi	612.881.220	-
Đặt cọc mua trái phiếu, chứng chỉ quỹ	13.707.668.870	-
Phải thu bán chứng khoán	3.199.871.600	212.020.000
	18.404.793.690	601.620.000

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý 04/2020 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B09a-CTQ

25. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Phải trả tiền mua chứng khoán	7.692.000.000	1.182.729.500
Phải trả phí khác	90.635.792	14.731.772
	7.782.635.792	1.197.461.272

26. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng và nhà theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Dưới một (1) năm	530.173.300	530.173.300

27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

27.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 vì các khoản tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định.

27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

27.2 *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

27.3 *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Nhóm Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Nhóm Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Điều hành cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Nhóm Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý 04/2020 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B09a-CTQ

27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

27.3 *Rủi ro thanh khoản* (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty dựa trên số tiền chiết khấu:

	Bất kỳ thời điểm nào VND	Dưới 3 tháng VND	Từ 1 năm đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2020				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.928.646.917	2.000.000.000	-	4.928.646.917
Đầu tư ngắn hạn- Gộp	416.151.330.855	-	-	416.151.330.855
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	-	9.587.841.629	-	9.587.841.629
Các khoản phải thu khác	-	5.214.397.669	-	5.214.397.669
Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	96.955.695	96.955.695
	419.079.977.772	16.802.239.298	96.955.695	435.979.172.765
Nợ phải trả tài chính				
Chi phí phải trả	-	126.400.000	-	126.400.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2019				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	823.948.810	8.500.000.000	-	9.323.948.810
Đầu tư ngắn hạn	27.270.000.000	-	-	27.270.000.000
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	-	278.420.478	-	278.420.478
Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	23.081.539	23.081.539
	28.093.948.810	8.778.420.478	23.081.539	36.895.450.827

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Quý 04/2020 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B09a-CTQ

28. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất Quý 04/2020 của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.928.646.917	9.323.948.810	4.928.646.917	9.323.948.810
Đầu tư ngắn hạn	416.151.330.855	27.270.000.000	428.471.330.855	31.890.000.000
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	9.587.841.629	278.420.478	9.587.841.629	278.420.478
Ký quỹ, kỳ cược dài hạn	96.955.695	23.081.539	96.955.695	23.081.539
Các khoản phải thu khác	9.587.841.629	-	9.587.841.629	-
	435.979.172.765	36.895.450.827	448.299.172.765	41.515.450.827
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả	70.000.000	70.000.000	70.000.000	70.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác.	-	-	-	-

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu từ hoạt động nghiệp vụ, phải thu khác, chi phí phải trả tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do chủ yếu những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý 04/2020 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B09a-CTQ

29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN.

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán hợp nhất Quý 04/2020 yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất Quý 04/2020.



Bà Phạm Uyên Vy
Người lập



Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng



Bà Nguyễn Thanh Thảo
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh. Việt Nam

Ngày 19 tháng 10 năm 2020